

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2021

V/v: Ly hôn giữa anh Gi và chị Nh

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên

Trong ngày 12/3/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19B /2021/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2021.

1. Nguyên đơn: Anh Mai Công Gi, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn BT, xã HD, huyện TT, Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh (tức H), sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn TV, xã TQ, huyện TT, Thái Bình

(Anh Gi và chị Nh đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là anh Mai Công Gi trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Nh (tức H) ở TQ, huyện TT tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 26/02/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã HQ (cũ) nay là xã HD, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh, chị sinh sống tại xã HQ. Do vợ chồng tính tình không hợp lại không có con chung nên thường xảy ra mâu thuẫn. Tháng 6/2020 anh và chị Nh ly thân. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Nh (tức H)

Về con chung: Anh và chị Nh không có con chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nh không có tài sản chung, không nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2021, đơn gửi tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Nh (tức H) trình bày:

Chị xác nhận thời gian đăng ký kết hôn như lời trình bày của anh Gi. Sau khi kết hôn chị và anh Gi sinh sống tại xã HQ tỉnh tỉnh không hợp lại không có con chung nên thường xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2015 anh Gi không cùng chung sống với chị nữa, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo, động viên nhưng hai bên vẫn không đoàn tụ. Tháng 6/2020, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn TV, xã TQ để ở. Nay anh Gi yêu cầu giải quyết ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn anh Gi. Chị và anh Gi không có con chung; không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Gi ly hôn chị Nh; Về con chung và về việc chia tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đặt ra việc giải quyết. Anh Giang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Anh Gi và chị Nh tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không có con chung, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh Gi yêu cầu giải quyết ly hôn. Chị

Nhỉnh cũng đồng ý ly hôn anh Gi. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Gi ly hôn chị Nh.

[2.2]. *Về con chung*: Anh Gi và chị Nh không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Anh Gi phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Mai Công Gi ly hôn chị Nguyễn Thị Nh (tức H)

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh Gi và chị Nh không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Mai Công Gi phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Giang đã nộp theo biên lai số 0002489 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Anh Gi đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Anh Mai Công Gi và chị Nguyễn Thị Nh (tức H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã HD ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

